

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 22/3/2022

“V/v Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Du

2. Ông Điều Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phúc Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 238/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về *“Ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX - ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1969 (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Trường Q, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Cùng trú tại: khu phố B, phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, Hịện Phước Long, tỉnh Sông Bé nay là UBND phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 31/5/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không mấy hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống,

không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Mỗi lần cãi vã, cả hai đều dùng những lời lẽ xúc phạm nhau rất nặng nề, không khí gia đình luôn ngột ngạt. Bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà H và ông Q có 02 người con chung tên Trần Vũ H1, sinh năm 1995 và Trần Vũ Diệu P, sinh năm 1997. Không yêu cầu giải quyết về con chung do các cháu H1 và P đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2021 bị đơn ông Trần Trường Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q thừa nhận ông và bà H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/1994 tại UBND xã S, H1ện Phước Long, tỉnh Sông Bé nay là UBND phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Do thời trẻ ông làm vườn, chăn nuôi, thỉnh thoảng có ăn nhậu nên người luộm thuộm, trong khi đó bà H là giáo viên nên có sự chín chu, hình thức do đó hai bên thường có lời qua tiếng lại, có thái độ xúc phạm, tổn thương nhau. Hơn năm nay ông gặp vấn đề về sức khỏe nên có thời gian không làm ra tiền, bà H đi làm ra ngoài gặp gỡ người khác về chê bai ông, có những cư xử và hành vi không đúng mực nên ông nổi nóng, chửi mắng nặng lời, gây tổn thương lòng tự trọng của bà H. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 người con chung tên Trần Vũ H1, sinh năm 1995 và Trần Vũ Diệu P, sinh năm 1997. Cháu H1 bị tai nạn từ năm 03 tuổi nên thể chất và trí tuệ sa sút (bị động kinh) nên không thể tự nuôi sống bản thân nên ông mong muốn bà H rút đơn, đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng cháu H1, cho cháu P an tâm học tập.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với ông Q.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Vũ Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn Trần Trường Q, đồng thời bị đơn cư trú tại khu phố B, phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây vụ án “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/1994 tại UBND xã S, H1ện Phước Long, tỉnh Sông Bé nay là UBND phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 57. Do vậy, hôn nhân giữa bà H và ông Q là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn cũng như ý kiến của con chung về tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Q. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà H và ông Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xung đột dẫn đến không khí gia đình ngột ngạt. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau từ quan điểm đến cách sống nên mỗi khi bất đồng, cãi vã thì hai bên luôn có những lời lẽ xúc phạm nặng nề đối với nhau. Đồng thời, tại biên bản xác minh cũng thể hiện tình trạng hôn nhân như phía nguyên đơn, bị đơn đã trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Q đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài đời sống chung vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông Q.

[2.2] Về con chung: Do các con chung đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q mong muốn bà H rút đơn, đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng cháu H1, vì cháu H1 bị tai nạn từ năm 03 tuổi nên thể chất và trí tuệ sa sút (bị động kinh) nên không thể tự nuôi sống bản thân. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2022 anh Trần Vũ H1 cũng trình bày: di chứng sau tai nạn năm ba tuổi có ảnh hưởng phần nào đến thần kinh (thỉnh thoảng bị động kinh) Anh H1 học hết lớp 10 thì nghỉ học về

đứng máy chẻ điều với mức lương khoảng 7 triệu/tháng, đưa lại cho cha mẹ phụ tiền cơm và giữ lại vài triệu tiêu xài cá nhân nhưng do công việc nặng, sức khỏe không cho phép nên nghỉ về làm rẫy cao su phụ cha mẹ. Tại phiên tòa, bà H trình bày từ tháng 02 năm 2022 cháu H1 làm bảo vệ tại trường tiểu học S, ngoài giờ làm thì cháu H1 về nhà phụ giúp việc vườn rẫy. Xét thấy, các con chung của bà H, ông Q đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Vũ Thị H được ly hôn với ông Trần Trường Q.

2. Về con chung: Bà H và ông Q có 02 người con chung tên Trần Vũ H1, sinh năm 1995 và Trần Vũ Diệu P, sinh năm 1997. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0008xxx ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND thị xã Phước Long;
 - UBND phường S, thị xã. Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- (số 57 ngày 31/5/1994);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Du

Điêu Phương

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt